UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1698 /QĐ -STC

Thừa Thiên Huế, ngày 11 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý II năm 2019 tỉnh Thừa Thiên Huế

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 86/QĐ-UB ngày 15/12/2016 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế; số 01/2019/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 về việc sáp nhập và hợp nhất các phòng chuyên môn thuộc Sở Tài chính;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3084/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về việc quy định tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước địa phương năm 2019;

Căn cứ Công văn số 9712/UBND-TC ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh về đẩy mạnh công khai ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý ngân sách,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước tỉnh Quý II năm 2019 theo thuyết minh và các biểu kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Quản lý ngân sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 1;
- UBND tỉnh; (để báo cáo)
- Cổng thông tin điện tử TT Huế;
- Ban biên tập Website Sở Tài chính (để đăng tin)
- Lưu: VT, QLNS (N-4).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Huỳnh Ngọc Sơn

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019
(Chi tiết kèm theo Quyết định 1698/QĐ-STC ngày 11 tháng 7 năm 2019 về công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN quý II năm 2019)

Những tháng đầu năm, tình hình kinh tế xã hội tiếp tục phát triển ổn định nên tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính – ngân sách nhà nước đã được HĐND tỉnh giao tương đối thuận lợi. UBND tỉnh tiếp tục đôn đốc các ngành, các cấp triển khai thực hiện đồng bộ những giải pháp tài chính - ngân sách nhằm hoàn thành vượt dự toán thu chi ngân sách nhà nước cả năm đã giao. Tình hình thu, chi 6 tháng đầu năm như sau:

1. Về thu NSNN

Tổng thu NSNN trên địa bàn HĐND tỉnh giao đầu năm 7.213,5 tỷ đồng, 6 tháng đạt 3.812 tỷ đồng, bằng 52,8% dự toán và tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể như sau:

a. Thu nội địa: Dự toán giao 6.629 tỷ đồng, 6 tháng đạt 3.581 tỷ đồng, bằng 54% dự toán, tăng 19,8% so với cùng kỳ. Nếu không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết và thu phí tham quan di tích đạt 2.849 tỷ đồng, bằng 52,2% dự toán và tăng 17,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp: nhìn chung tình hình kinh tế những tháng đầu năm tương đối ổn định nên tiến độ thu từ khu vực này đảm bảo, cụ thể:

+ Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương ước đạt 112 tỷ đồng, bằng 54,7% dự toán do một số doanh nghiệp lớn có số thu nộp tăng như Công ty TNHH NN 1TV xây dựng và cấp nước tăng 10%, Công ty cổ phần xăng dầu tăng 38%...

+ Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài ước đạt 1.071 tỷ đồng, bằng 51% dự toán, tăng 22,3% so với cùng kỳ chủ yếu do nguồn thu từ Công ty Bia Huế vượt đến 32%.

+ Thu từ khu vực ngoài quốc doanh ước đạt 606 tỷ đồng, bằng 52,2% dự toán, tăng 18,8% so với cùng kỳ do một số doanh nghiệp khu vực nhà nước chuyển sang công ty cổ phần.

Riêng thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương chỉ đạt 42,7% dự toán. Nguyên nhân là do nguồn thu từ Nhà máy thủy điện A Lưới chiếm tỷ trọng lớn nhưng năm này thực hiện đầu tư dự án mới được khấu trừ thuế đầu vào nên số thu nộp giảm 68%; một số doanh nghiệp lớn cũng có mức nộp giảm so với cùng kỳ như: Công ty thủy điện miền Trung giảm 57%, Chi nhánh Viettel Thừa Thiên Huế giảm 42%.

- Một số khoản thu đạt khá (trên 50% dự toán) như thuế thu nhập cá nhân đạt 63,3% dự toán; lệ phí trước bạ 62%; thu phí, lệ phí 50,9%; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 61,8%; thu cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 92%; Thu xổ số

kiến thiết đạt 51,4%. Các khoản thu còn lại còn đạt thấp, dưới 50% dự toán.

- Thu tiền sử dụng đất: 6 tháng đạt 570 tỷ đồng, bằng 67,9% dự toán, tăng 8% so với cùng kỳ. Trong đó: Ngân sách tỉnh đạt 115 tỷ đồng bằng 33,8% dự toán; Ngân sách huyện đạt 455 tỷ đồng, bằng 91% dự toán.

*** Về tình hình thu ngân sách các huyện**: Ước thực hiện dự toán thu 6 tháng đầu năm đạt 1.571 tỷ đồng, bằng 63% dự toán tỉnh giao. Tổng thu cân đối ngân sách phân chia huyện hưởng đạt 1.344 tỷ đồng, bằng 68% dự toán chủ yếu do nguồn thu tiền sử dụng đất. Nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất, thu viện trợ và huy động đóng góp thì thu cân đối ngân sách huyện hưởng đạt 884 tỷ đồng, bằng 62% dự toán.

b. Thu thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu

Thu 6 tháng đạt 225 tỷ đồng, bằng 40,6% dự toán và bằng 90% so với cùng kỳ. Số thu 6 tháng đầu năm chủ yếu là từ nguồn thu thuế GTGT của các doanh nghiệp trong tỉnh; khoản thu thuế xuất nhập khẩu chiếm tỷ trọng tương đối thấp khoảng 20%. Thuế GTGT đã hoàn 6 tháng đầu năm từ hoạt động xuất nhập khẩu lên đến 367 tỷ đồng.

c. Thu viện trợ huy động đóng góp: 6 tháng đạt 5 tỷ đồng, bằng 16,7% dự toán giao.

2. Về chi ngân sách địa phương

Nhìn chung, các nhiệm vụ chi ngân sách địa phương đảm bảo theo đúng dự toán HĐND tỉnh quyết định, đảm bảo chi thực hiện các chế độ, chính sách cho cán bộ công nhân viên chức và an sinh xã hội. Tổng chi ngân sách địa phương HĐND tỉnh giao đầu năm 10.120 tỷ đồng, 6 tháng ước đạt gần 4.873 tỷ đồng, bằng 48% dự toán (nếu không gồm nguồn vốn ngoài nước 587 tỷ đồng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa phân khai chi tiết thì đạt 51,1% dự toán, bao gồm nguồn vốn TPCP năm trước chuyển sang). Kết quả một số nhiệm vụ chi chủ yếu như sau:

a. Chi đầu tư phát triển

Tiến độ giải ngân các dự án đầu tư tương đối còn chậm. Tổng chi thanh toán vốn đầu tư từ các nguồn 6 tháng (không bao gồm nguồn vốn TPCP năm trước chuyển sang) đạt 991 tỷ đồng, bằng 41,3% dự toán. Nguyên nhân chủ yếu là do một số dự án sử dụng nguồn vốn ODA, vốn vay lại quy trình thủ tục thực hiện theo nhà tài trợ vốn đã ảnh hưởng đến công tác giải ngân. Cụ thể như sau:

- Chi đầu tư XDCB tập trung đạt 236 tỷ đồng, bằng 47,8% dự toán.

- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất đạt 488 tỷ đồng, bằng 60,7% dự toán.

- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của Trung ương còn đạt rất thấp, chỉ khoảng 25,4% dự toán.

- Chi đầu tư từ nguồn thu phí tham quan di tích đạt 25,4% dự toán;

- Chi đầu tư từ nguồn vốn vay lại của Chính phủ chỉ đạt 7,6% dự toán.

UBND tỉnh cũng đã thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh phân bổ

nguồn vượt thu tiền sử dụng đất 2018 là 202 tỷ đồng để bố trí vốn cho các dự án quan trọng, cấp bách trong năm 2019 như dự án hạ tầng kỹ thuật phục vụ đền bù, giải phóng mặt bằng khu vực 1 di tích kinh thành Huế 105 tỷ đồng; các dự án hoàn trả vốn Quỹ phát triển đất 31,2 tỷ đồng; bổ sung Quỹ phát triển đất 65,7 tỷ đồng; sử dụng nguồn năm trước chuyển sang để thu hồi 15,6 tỷ đồng nợ tạm ứng xây dựng cơ bản từ các năm trước. Đồng thời, ứng trước ngân sách tỉnh 138 tỷ đồng để thực hiện một số dự án quan trọng, cấp bách như các dự án phục vụ dự án Mở rộng Cảng hàng không Quốc tế Phú Bài 123 tỷ đồng; Trung tâm kiểm nghiệp thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh 15 tỷ đồng.

Bổ sung từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương 205 tỷ đồng (trong đó, dự án GPMB khu vực 1 Di tích kinh thành Huế 100 tỷ đồng; hạ tầng khu tái định cư sạt lỡ ven biển xã Quảng Công 30 tỷ đồng; Dự án khu tái định cư di dân vùng sạt lỡ tại xã Nhâm 15 tỷ đồng; Kè chống sạt lỡ bờ biển đoạn qua thôn An Dương, xã Phú Thuận, Phú Vang 20 tỷ đồng; Xử lý khẩn cấp khắc phục xói lở bờ biển Hải Dương và chỉnh trị luồng cảng Thuận An 40 tỷ đồng).

b. Chi thường xuyên

Chi thường xuyên đạt 3.353 tỷ đồng, gần bằng 51,7% dự toán, trong đó: chi sự nghiệp an ninh quốc phòng đạt 61,6% dự toán, chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề đạt 52,1% dự toán, chi sự nghiệp đảm bảo xã hội đạt 49,6% dự toán. Các ngành, các cấp đã phân bổ xong dự toán trước tháng 3 và thông báo kinh phí cho các đơn vị trực thuộc trực tiếp sử dụng kinh phí để triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Trong công tác điều hành chi ngân sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị phải đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, trong phạm vi dự toán được giao; tuân thủ kỷ luật chi tiêu tài chính NSNN. Đối với nguồn vốn chưa phân bổ đầu năm cũng đã được phân khai theo tiến độ thực hiện như kinh phí đảm bảo an toàn giao thông 4,3 tỷ đồng, kinh phí thực hiện đề án đô thị thông minh 8 tỷ đồng, kinh phí quy hoạch 1,3 tỷ đồng (thanh toán các dự án đã phê duyệt trước đây), kinh phí hỗ trợ phát triển sản xuất tái cơ cấu ngành nông nghiệp 1,1 tỷ đồng.

UBND tỉnh phân bổ kịp thời cho các đơn vị, địa phương nguồn kinh phí Trung ương bổ sung có mục tiêu như tinh giản biên chế 3,7 tỷ đồng; kinh phí khắc phục hậu quả mưa lũ 35 tỷ đồng; kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu (phát triển hệ thống trợ giúp xã hội 10,9 tỷ đồng, ứng phó biến đổi khi hậu và tăng trưởng xanh 0,7 tỷ đồng, chương trình mục tiêu phát triển văn hóa 5,6 tỷ đồng; chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững 13,1 tỷ đồng; chương trình mục tiêu phòng chống tội phạm và ma túy gần 2 tỷ đồng).

Tiếp tục phân bổ kịp thời kinh phí hỗ trợ và bồi thường thiệt hại cho người dân bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển, số tiền 15,8 tỷ đồng để thực hiện chính sách mua thẻ BHYT cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển; hỗ trợ đóng BHXH, BHTN, BHYT đối với người lao động thuộc hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển.

c. Chi chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu

Sáu tháng đạt gần 171,8 tỷ đồng, gần 40,6% dự toán, trong đó chương

trình giảm nghèo bền vững giải ngân đạt 30 tỷ đồng, bằng 40% dự toán; chi chương trình xây dựng nông thôn mới đạt 56 tỷ đồng, bằng 31% dự toán; chi sự nghiệp và các chương trình mục tiêu đạt 58,3% dự toán.

TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Biểu số 01

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II NĂM 2019

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Ước thực hiện Quý II/2019	So sánh với dự toán	So sánh với cùng kỳ
A	B	3	2	3=2/1	4,0
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**7.213.500**	**3.812.058**	**52,8**	**110,9**
1	Thu nội địa (không kể thu từ dầu thô)	6.629.000	3.581.839	54,0	119,8
2	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	554.500	224.882	40,6	90,0
3	Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN	30.000	5.337	17,8	119,5
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG HƯỞNG**	**10.011.405**	**5.044.660**	**50,4**	**115,0**
1	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp (gồm thu để lại chi)	6.079.680	3.286.643	54,1	119,8
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	3.831.725	1.100.244	28,7	102,0
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	1.536.730	556.310	36,2	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	2.294.995	543.934	23,7	
3	Thu kết dư	100.000	0	0,0	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	657.773	0,0	
C	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**10.120.705**	**4.873.867**	**48,2**	**122,0**
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	9.668.073	4.685.516	48,5	125,8
1	Chi đầu tư phát triển	2.988.533	1.331.297	44,5	132,2
2	Chi thường xuyên	6.481.237	3.353.019	51,7	117,3
3	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0	0		
4	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	8.200	1.200	14,6	
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.180	0	0,0	
6	Dự phòng ngân sách	188.923	0	0,0	
II	Chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu	422.632	183.014	43,3	
1	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	256.342	86.012	33,6	
2	Chi chương trình, mục tiêu sự nghiệp	166.290	97.003	58,3	
V	Chi từ khoản thu quản lý qua ngân sách nhà nước	30.000	5.337	17,8	
D	**BỘI THU, BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (+ BỘI CHI, - BỘI THU)**	**109.300**	**-170.793**	**-156,3**	**0,0**

E	**TỔNG MỨC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**144.300**	**1.600**	**1,1**	
1	Vay trong nước	0	0		
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	144.300	1.600	1,1	
F	**TRẢ NỢ GỐC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**35.000**	**35.000**	**100,0**	**0,0**
1	Từ nguồn vay mới để trả nợ gốc	0	0		
2	Bội thu ngân sách địa phương	35.000	35.000	100,0	
3	Tăng thu, tiết kiệm chi	0	0		
4	Kết dư ngân sách cấp tỉnh	0	0		

TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Biểu số 02

THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

ĐẾN 30/6/2019

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	HĐND tỉnh giao	THỰC HIỆN 6 THÁNG	So sánh với	
			dự toán	cùng kỳ
1	2	3	4=3/2	5
A. TỔNG CÁC KHOẢN THU NSNN (I + II + III)	**7.213.500**	**3.812.058**	**52,8**	**110,9**
I- THU NỘI ĐỊA	**6.629.000**	**3.581.839**	**54,0**	**119,8**
Thu nội địa không gồm tiền sử dụng đất, thu xổ số	**5.455.000**	**2.849.926**	**52,2**	**117,6**
1. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	220.000	94.061	42,8	98,6
2. Thu từ doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	205.000	112.052	54,7	
3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	2.100.000	1.070.958	51,0	122,3
4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.162.000	606.130	52,2	118,8
5. Thuế bảo vệ môi trường	690.000	339.691	49,2	132,2
Trong đó: Thuế xuất nhập khẩu xăng dầu cơ quan Hải quan quản lý	*433.320*	213.474	*49,3*	*132,6*
6. Thuế thu nhập cá nhân	320.000	202.492	63,3	131,3
7. Lệ phí trước bạ	230.000	142.581	62,0	131,9
8. Thu phí, lệ phí	410.000	208.661	50,9	300,0
- Phí, lệ phí cơ quan Trung ương thực hiện thu	*36.000*	18.471	*51,3*	*100,9*
- Phí, lệ phí cơ quan địa phương thực hiện thu	*114.000*	65.920	*57,8*	*89,0*
- Phí tham quan di tích	*260.000*	124.000	*47,7*	*64,9*
9. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	11.000	6.805	61,9	102,5
10. Tiền sử dụng đất	840.000	570.348	67,9	108,0
- Ngân sách tỉnh	*340.000*	115.313	*33,9*	*53,4*
- Ngân sách huyện	*500.000*	455.035	*91,0*	*145,8*
11. Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước	100.000	40.795	40,8	59,0
12. Tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu nhà nước	2.000	1.390	69,5	0,0
13. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	50.000	46.240	92,5	157,6
- Do Trung ương cấp	*39.000*	26.144	*67,0*	*179,2*

- Do địa phương cấp	*11.000*	20.096	*182,7*	*136,3*
14. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	74.000	37.565	50,8	99,6
15. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	22.000	6.899	31,4	109,8
16. Thu khác ngân sách	190.000	92.035	48,4	84,8
Trong đó: + Thu khác ngân sách trung ương	*71.000*	42.031	*59,2*	*90,4*
17. Thu cổ tức, lợi nhuận được chia, lợi nhuận còn lại	3.000	3.136	104,5	17,5
II- THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU	**554.500**	**224.882**	**40,6**	**90,0**
III - THU VIỆN TRỢ, HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP	**30.000**	**5.337**	**17,8**	**119,5**
Thu huy động đóng góp	18.000	5.337	29,7	**119,5**
Thu viện trợ	12.000	0		

TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Biểu số 03

ƯỚC CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

ĐẾN 30/06/2019

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2019 địa phương	Ước 06 tháng	So với dự toán	So với cùng kỳ
A	B	1	2	3=2/1	4,0
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	**9.532.814**	**4.873.867**	**51,1**	**122,0**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**9.080.182**	**4.685.516**	**51,6**	**125,8**
I	Chi đầu tư phát triển	2.400.642	1.331.297	55,5	132,2
1	Vốn đầu tư XDCB tập trung	494.437	236.400	47,8	
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	805.000	497.800	61,8	
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	74.000	31.200	42,2	
4	Chi đầu tư từ nguồn trung ương bổ sung có mục tiêu	822.905	539.687	65,6	
a	Vốn ngoài nước (*)	472.087	68.400	14,5	
b	Vốn trong nước	342.090	140.400	41,0	
c	Vốn trái phiếu chính phủ	8.728	330.887	3.791,1	
5	Chi đầu tư từ nguồn vốn vay Chính phủ về cho vay lại	144.300	11.000	7,6	
6	Chi đầu tư từ nguồn thu phí tham quan di tích	60.000	15.210	25,4	
II	**Chi thường xuyên**	**6.481.237**	**3.353.019**	**51,7**	**117,3**
1	Chi quốc phòng	149.831	92.366	61,6	
2	Chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội				146,6
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.832.167	1.476.898	52,1	129,2
4	Chi y tế, dân số và gia đình	674.268	295.895	43,9	128,6
5	Chi khoa học và công nghệ	36.654	15.327	41,8	146,0
6	Chi văn hóa thông tin	87.496	75.983	86,8	255,7
7	Chi phát thanh, truyền hình	29.950	11.176	37,3	60,9
8	Chi thể dục thể thao	29.879	15.640	52,3	101,1
9	Chi bảo đảm xã hội	410.293	203.497	49,6	95,8
10	Chi các sự nghiệp kinh tế	728.683	364.342	50,0	142,9

11	Chi sự nghiệp môi trường	224.273	112.137	50,0	131,9
12	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	1.241.835	661.805	53,3	103,4
13	Chi sự nghiệp khác	35.908	27.954	77,8	110,0
	+ Chi khác ngân sách	*25.908*	24.232	93,5	
	+ Chi cho hộ nghèo vay giải quyết việc làm	*10.000*	10.000	100,0	
II	**Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay**	**8.200**	**1.200**	**14,6**	
III	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**	**1.180**	**0**	**0,0**	
IV	**Dự phòng ngân sách**	**188.923**	**0**	**0,0**	
B	**CHI TỪ NGUỒN VIỆN TRỢ, HUY ĐỘNG ĐÓNG GÓP**	**30.000**	**5.337**	**17,8**	**133,4**
1	Thu huy động đóng góp	18.000	5.337	**29,7**	
2	Thu viện trợ	12.000	0	**0,0**	
C	**CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	**422.632**	**183.014**	**43,3**	**141,9**
1	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	256.342	86.012	33,6	
2	Chi mục tiêu sự nghiệp	166.290	97.003	58,3	

Ghi chú: Vốn ngoài nước (*) căn cứ QĐ giao của TTCP, Bộ Tài chính, HĐND tỉnh đã QĐ dự toán là 1.059 tỷ đồng, tuy nhiên Bộ Kế hoạch và Đầu tư mới phân khai 472,047 tỷ đồng

Chi từ nguồn vốn trái phiếu chính phủ chủ yếu là chi từ nguồn năm trước chuyển sang

Chi từ nguồn dự phòng đã hạch toán lên chi từng sự nghiệp